

Số: 04/2026/CV-MED

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, và căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính, Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

- Mã chứng khoán: MED
- Địa chỉ: 358 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024.38643360 Fax: 024.38641584
- E-mail: info@mediplantex.com
- Website: <https://www.mediplantex.com/>

2. Nội dung thông tin công bố

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán
 - ☒ Báo cáo tài chính riêng
 - ☐ Báo cáo tài chính hợp nhất
 - ☐ Báo cáo tài chính tổng hợp
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
 - ☐ Có ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có
 - ☐ Có ☒ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:
 - ☐ Có ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có
 - ☐ Có ☒ Không



- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 12/03/2026 tại đường dẫn <https://www.mediplantex.com/vi/thong-tin-co-dong.html>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên

- Nội dung giao dịch: Không.
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp: Không.
- Ngày hoàn thành giao dịch: Không

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm

- BCTC năm 2025 đã được kiểm toán

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



ĐỒNG GIÁM ĐỐC
Mai Nhật Thanh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 39
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex được cổ phần hóa từ Công ty Dược liệu TW I (doanh nghiệp nhà nước) theo Quyết định số 4410/QĐ-BYT ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Y tế. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2005, đến nay lần thay đổi gần nhất (lần thứ 20) vào ngày 03 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp thay đổi lần gần nhất tại: 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hiện nay, địa chỉ này đã được đổi thành: 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Ngọc Xuân Trang	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2025)
Ông Trần Hoàng Dũng	Chủ tịch	(Không còn là Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT từ ngày 30 tháng 05 năm 2025)
Ông Trần Nguyễn Hoàng Ân	Thành viên	
Ông Thái Khắc Minh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	
Bà Trần Nguyễn Hoàng Phúc	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2025)
Ông Trần Xuân Đình	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Nhật Thanh	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2025)
Ông Trần Xuân Đình	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2025)
Ông Trần Nguyễn Hoàng Ân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Thành Lâm	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 12 tháng 09 năm 2025)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là:

Ông Mai Nhật Thanh	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2025)
Ông Trần Xuân Đình	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2025)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hồ Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Bà Hà Thị Bích Hạnh	Thành viên
Bà Đỗ Ngọc Thúy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Nhật Thanh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026

4

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Trường Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

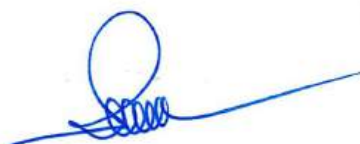
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		204.962.685.617	253.080.671.735
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	24.401.129.317	42.611.033.335
111	1. Tiền		12.401.129.317	30.611.033.335
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.000.000.000	12.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		6.700.000.000	12.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	6.700.000.000	12.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		68.638.521.499	99.153.240.174
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	43.783.446.571	69.931.506.630
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	27.038.320.811	27.889.381.672
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.233.785.222	4.367.805.257
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.417.031.105)	(3.035.453.385)
140	IV. Hàng tồn kho	9	93.209.539.312	87.539.703.698
141	1. Hàng tồn kho		93.209.539.312	87.539.703.698
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.013.495.489	11.776.694.528
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	111.327.028	239.809.602
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.656.527.007	11.493.179.482
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	245.641.454	43.705.444
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		252.354.666.266	250.674.501.204
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.281.045.000	4.293.135.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.281.045.000	4.293.135.000
220	II. Tài sản cố định		32.240.937.400	34.441.460.600
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	32.229.181.160	34.422.279.360
222	- Nguyên giá		159.077.886.874	154.351.408.887
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(126.848.705.714)	(119.929.129.527)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	11.756.240	19.181.240
228	- Nguyên giá		307.325.000	307.325.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(295.568.760)	(288.143.760)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	1.631.604.709	1.880.655.954
231	- Nguyên giá		11.361.119.544	11.361.119.544
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.729.514.835)	(9.480.463.590)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		180.450.934.936	177.699.169.876
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	180.450.934.936	177.699.169.876
260	V. Tài sản dài hạn khác		32.750.144.221	32.360.079.774
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	32.750.144.221	32.360.079.774
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		457.317.351.883	503.755.172.939

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		126.005.906.360	172.891.994.188
310	I. Nợ ngắn hạn		126.005.906.360	172.891.994.188
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	55.196.011.514	77.961.655.955
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	15.184.735.732	15.775.430.306
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.875.517.238	1.109.490.832
314	4. Phải trả người lao động		11.170.189.093	12.223.509.888
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	439.480.577	393.589.173
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		228.600.000	219.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.784.204.951	34.955.843.839
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	33.913.830.047	27.786.636.987
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.213.337.208	2.466.837.208
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		331.311.445.523	330.863.178.751
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	331.311.445.523	330.863.178.751
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		124.100.000.000	124.100.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		124.100.000.000	124.100.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		121.230.075.000	121.230.075.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		69.782.414.151	69.782.414.151
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.198.956.372	15.750.689.600
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		365.519.888	503.923.388
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		15.833.436.484	15.246.766.212
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		457.317.351.883	503.755.172.939



Nguyễn Thanh Hằng
Người lập biểu



Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng



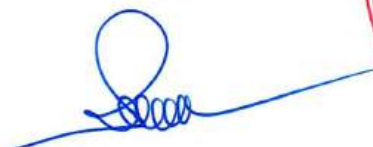
Mai Nhật Thanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	368.976.706.693	443.450.755.834
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	2.147.088.460	314.944.100
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		366.829.618.233	443.135.811.734
11	4. Giá vốn hàng bán	25	281.042.627.390	350.574.416.654
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		85.786.990.843	92.561.395.080
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	1.371.149.542	2.194.907.734
22	7. Chi phí tài chính	27	3.675.219.722	5.882.463.007
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.316.002.212	3.787.313.457
25	8. Chi phí bán hàng	28	4.734.375.295	7.956.365.486
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	58.626.773.654	62.411.577.931
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.121.771.714	18.505.896.390
31	11. Thu nhập khác	30	622.310.264	1.194.147.025
32	12. Chi phí khác	31	84.664.977	281.935.521
40	13. Lợi nhuận khác		537.645.287	912.211.504
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.659.417.001	19.418.107.894
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32	4.825.980.517	4.171.341.682
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>15.833.436.484</u>	<u>15.246.766.212</u>
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	1.276	1.229



Nguyễn Thanh Hằng
Người lập biểu



Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng




Mai Nhật Thanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		20.659.417.001	19.418.107.894
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.176.052.432	7.915.624.907
03	- Các khoản dự phòng		1.381.577.720	2.203.148.744
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.637.313)	19.531.440
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(490.903.696)	(773.893.406)
06	- Chi phí lãi vay		2.316.002.212	3.787.313.457
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.038.508.356	32.569.833.036
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		27.759.989.063	23.260.766.830
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.669.835.614)	15.424.839.329
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(51.175.510.040)	(16.803.479.675)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(873.157.118)	1.367.572.757
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.310.793.254)	(3.815.562.511)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.399.492.850)	(3.874.313.773)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(746.669.712)	(476.900.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.376.961.169)	47.652.755.993
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(9.766.667.802)	(9.979.205.179)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.700.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		8.000.000.000	8.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		510.862.053	1.120.782.569
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.955.805.749)	(858.422.610)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		133.282.028.828	157.753.262.672
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(127.154.835.768)	(194.429.711.630)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.996.875.444)	(11.020.822.547)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.869.682.384)	(47.697.271.505)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(18.202.449.302)	(902.938.122)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		42.611.033.335	43.533.502.897
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(7.454.716)	(19.531.440)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	24.401.129.317	42.611.033.335


Nguyễn Thanh Hằng
Người lập biểu


Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng


Mai Nhật Thanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex được cổ phần hóa từ Công ty Dược liệu TW I (doanh nghiệp nhà nước) theo Quyết định số 4410/QĐ-BYT ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Y tế. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2005, đến nay lần lần thay đổi gần nhất (lần thứ 20) vào ngày 03 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp thay đổi lần gần nhất tại: 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hiện nay, địa chỉ này đã được đổi thành: 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 124.100.000.000 VND, tương ứng 12.410.000 cổ phần, mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 310 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 328 người).

Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Ủy thác xuất nhập khẩu; xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm 2025, nền kinh tế thế giới vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều rủi ro, bất ổn, lạm phát vẫn ở mức cao, điều kiện thị trường tài chính thắt chặt hơn, tăng trưởng kinh tế toàn cầu có xu hướng suy giảm. Ngành dược trong nước phải đối mặt với nhiều khó khăn khi chi phí sản xuất vẫn có xu hướng tăng, cạnh tranh gay gắt, tâm lý tiêu dùng và các đối tác phân phối bị ảnh hưởng bởi việc thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc. Các nguyên nhân chủ yếu trên đã dẫn đến doanh thu bán hàng của Công ty giảm đáng kể so với năm trước. Tuy nhiên, nhờ việc tăng cường áp dụng các biện pháp cắt giảm chi phí, cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh mà lợi nhuận của Công ty vẫn tăng nhẹ so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - tại Thành phố Hồ Chí Minh	A5/6E1 đường Nguyễn Cửu Phú, Ấp 1, phường Tân Kiên, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc, hóa dược, dược liệu và thực phẩm chức năng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - tại Mê Linh	Thôn Trung Hậu, xã Mê Linh, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm 2025, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Thông tư 99/2025/TT-BTC sẽ được Công ty áp dụng kể từ thời điểm văn bản có hiệu lực thi hành, tức là từ ngày 01/01/2026 và dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị khác	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

2.14 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế và phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh hàng kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 02 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng.

2.15 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả.... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí

phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2.21 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.24 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái... được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng chủ yếu bao gồm: chi phí lương nhân viên bán hàng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bán hàng, chi phí vận chuyển, chi phí thủ tục hải quan, chi phí logistics và các chi phí khác.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, chi phí tổng kết, du lịch cho người lao động và các chi phí khác.

2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.28 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 Thông tin bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm trên lãnh thổ Việt Nam, các hoạt động kinh doanh khác và trên các khu vực địa lý khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	87.338.122	243.653.622
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.313.791.195	30.367.379.713
Các khoản tương đương tiền (i)	12.000.000.000	12.000.000.000
	24.401.129.317	42.611.033.335

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi kỳ hạn 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch với lãi suất từ 1,8%/năm đến 4,75%/năm.

4 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2025		01/01/2025
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
	VND	VND	VND
Ngắn hạn			
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	6.700.000.000	-	12.000.000.000
	6.700.000.000	-	12.000.000.000

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng đến 12 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa với lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,2%/năm.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025 (đã trình bày lại)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	22.383.608.828	(3.100.812.880)	19.248.531.389	(1.719.235.160)
Công ty TNHH MTV Dược phẩm An Hy	22.383.608.828	(3.100.812.880)	19.248.531.389	(1.719.235.160)
Bên khác	21.399.837.743	(1.316.218.225)	50.682.975.241	(1.316.218.225)
Công ty CP Dược Medibros Miền Bắc	7.456.387.723	-	15.179.203.296	-
Công ty CP Dược Medibros Miền Trung	3.304.368.558	-	5.686.130.918	-
Công ty CP Dược Medibros Miền Nam	3.930.194.828	-	14.414.570.635	-
Các khách hàng khác	6.708.886.634	(1.316.218.225)	15.403.070.392	(1.316.218.225)
	43.783.446.571	(4.417.031.105)	69.931.506.630	(3.035.453.385)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác				
Công ty TNHH Kỹ thuật Cơ điện lạnh Quý Long	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
(i) Công ty TNHH Thiết bị Bảo vệ và Phát triển Công nghệ cao Khải Hoàn (i)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Các người bán khác	4.038.320.811	-	4.889.381.672	-
	27.038.320.811	-	27.889.381.672	-

- (i) Các khoản ứng trước cho những hợp đồng thi công xây lắp thuộc dự án đầu tư Trung tâm khoa học công nghệ dược và Nhà máy ứng dụng sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-EU (Thuyết minh 14).

7 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	76.808.766	-	96.767.123	-
Phải thu về tạm ứng	2.060.916.237	-	2.099.354.300	-
Phải thu về nhận ủy thác nhập khẩu	26.147.855	-	2.110.675.434	-
Phải thu khác	69.912.364	-	61.008.400	-
	2.233.785.222	-	4.367.805.257	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ cho Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	5.281.045.000	-	4.293.135.000	-
	5.281.045.000	-	4.293.135.000	-
c) Trong đó: Bên liên quan				
Ông Trần Nguyễn Hoàng Ân	850.000.000	-	-	-
Ông Hồ Ngọc Tuấn	220.000.000	-	220.000.000	-
	1.070.000.000	-	220.000.000	-

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Thành	247.156.740	-	247.156.740	-
Công ty TNHH MTV Dược Phẩm An Hy	20.063.754.053	16.962.941.173	5.730.783.868	4.011.548.708
Công ty TNHH Dược phẩm Hương Linh	167.803.729	-	167.803.729	-
Công ty CP Dược phẩm Quận 3	176.863.000	-	176.863.000	-
Các đối tượng khác	724.394.756	-	724.394.756	-
	21.379.972.278	16.962.941.173	7.047.002.093	4.011.548.708

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	46.980.565.475	-	41.410.014.349	-
Công cụ, dụng cụ	2.536.158.088	-	1.242.294.207	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.592.877.112	-	10.845.349.576	-
Thành phẩm	10.483.263.768	-	8.795.152.892	-
Hàng hoá	15.616.674.869	-	25.246.892.674	-
	93.209.539.312	-	87.539.703.698	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 37.095.033.770 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 35.033.079.035 VND).

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản	111.327.028	201.816.434
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	37.993.168
	111.327.028	239.809.602
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản	2.206.403.276	411.387.500
Công cụ dụng cụ xuất dùng	713.235.066	1.385.944.550
Tiền nhận chuyển nhượng quyền thuê đất tại Nhà máy dược phẩm số 2 (i)	3.177.554.037	3.298.220.637
Tiền thuê hạ tầng kỹ thuật tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc (ii)	26.652.951.842	27.264.527.087
	32.750.144.221	32.360.079.774

(i) Đây là tiền nhận chuyển nhượng lô đất thuê trả tiền một lần, tại xã Mê Linh, thành phố Hà Nội có diện tích 15.900 m² từ Công ty TNHH Dược phẩm 204 - Chi nhánh Vĩnh Phúc để sử dụng làm cơ sở sản xuất của Nhà máy dược phẩm số 2 (thông tin chi tiết về hợp đồng thuê đất tại Thuyết minh 22b), đang được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê đất.

(ii) Đây là tiền thuê hạ tầng kỹ thuật mà Công ty đã thanh toán một lần cho toàn bộ thời gian thuê tại Khu Công nghệ Cao Hòa Lạc (thông tin chi tiết về hợp đồng thuê tại Thuyết minh 22b), đang được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	47.110.513.665	94.291.076.144	11.838.662.618	987.164.460	123.992.000	154.351.408.887	
Mua trong năm	-	4.213.008.287	215.000.000	298.469.700	-	4.726.477.987	
Số dư cuối năm	47.110.513.665	98.504.084.431	12.053.662.618	1.285.634.160	123.992.000	159.077.886.874	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	33.482.096.116	76.639.128.768	8.866.039.322	817.873.321	123.992.000	119.929.129.527	
Khấu hao trong năm	2.037.564.640	3.946.516.837	822.711.461	112.783.249	-	6.919.576.187	
Số dư cuối năm	35.519.660.756	80.585.645.605	9.688.750.783	930.656.570	123.992.000	126.848.705.714	
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	13.628.417.549	17.651.947.376	2.972.623.296	169.291.139	-	34.422.279.360	
Tại ngày cuối năm	11.590.852.909	17.918.438.826	2.364.911.835	354.977.590	-	32.229.181.160	

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 10.830.571.562 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 14.058.723.153 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 75.551.022.288 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 72.227.494.774 VND).

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm máy tính có tổng nguyên giá là 307.325.000 VND, giá trị hao mòn lũy kế là 295.568.760 VND, khấu hao trong năm là 7.425.000 VND, trong đó nguyên giá của phần mềm máy tính đã được khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 270.000.000 VND.

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	11.361.119.544	11.361.119.544
Số dư cuối năm	11.361.119.544	11.361.119.544
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	9.480.463.590	9.480.463.590
Khấu hao trong năm	249.051.245	249.051.245
Số dư cuối năm	9.729.514.835	9.729.514.835
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.880.655.954	1.880.655.954
Tại ngày cuối năm	1.631.604.709	1.631.604.709

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.631.604.709 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 1.880.655.954 VND).

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 5.536.880.137 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 3.573.651.043 VND).

Trong năm, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 2.680.963.644 VND (năm trước là 2.226.480.000 VND).

Các khoản tiền thuê thu được hàng kỳ trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh 22a.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự án Trung tâm khoa học công nghệ dược và Nhà máy ứng dụng sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-EU	180.450.934.936	177.699.169.876
	180.450.934.936	177.699.169.876

Dự án đầu tư Trung tâm khoa học công nghệ dược và Nhà máy ứng dụng sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-EU được chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 77/QĐ-CNCHL ngày 19 tháng 07 năm 2019 của Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc với các thông tin chủ yếu của dự án như sau:

- Tên dự án đầu tư: Trung tâm khoa học công nghệ dược và Nhà máy ứng dụng sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-EU;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex;
- Mục tiêu của dự án: sản xuất sản phẩm thuốc tân dược, thuốc dược liệu, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và mỹ phẩm;
- Địa điểm đầu tư tại: Lô CN2-9-3&4 Khu công nghiệp Công nghệ cao 2, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; thời hạn thuê đất đến ngày 19 tháng 07 năm 2069;
- Quy mô xây dựng: khoảng 34.300 m² sàn xây dựng, bao gồm các hạng mục: nhà xưởng sản

- xuất, nhà văn phòng, kho nguyên liệu và các công trình phụ trợ;
- Tổng mức đầu tư ban đầu là khoảng 724,772 tỷ VND (trong đó vốn tự có 340 tỷ VND, vốn huy động 384,772 tỷ VND);
 - Thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp quyết định chủ trương đầu tư;
 - Tiến độ thực hiện dự án: nghiệm thu công trình đưa vào vận hành sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ của giai đoạn I từ Quý II/2022, giai đoạn 2 từ Quý IV/2022. Sau đó, tiến độ dự án đã được điều chỉnh: giai đoạn 1 và giai đoạn 2 hoàn thành từ Quý 4/2022 (theo Quyết định số 81/QĐ-CNCHL ngày 11 tháng 05 năm 2020 của Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc). Tuy nhiên, dự án hiện đang bị chậm so với tiến độ được phê duyệt điều chỉnh.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đã ban hành Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 235/QĐ-CNCHL. Theo đó, tổng vốn đầu tư dự án được điều chỉnh là 892 tỷ VND (trong đó vốn tự có 422 tỷ VND, vốn huy động 470 tỷ VND); tăng quy mô sản xuất dự án, bổ sung Trung tâm khoa học công nghệ dược Mediplantex; thời gian hoàn thành giai đoạn I từ Quý II/2026, giai đoạn II từ Quý IV/2028.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, dự án đã đầu tư hoàn thành một số hạng mục thuộc giai đoạn I như: tường rào, nhà bảo vệ, ép cọc, phần xây thô của nhà văn phòng, Nhà xưởng B, C, mua sắm, lắp đặt thiết bị phục vụ thi công và một số hạng mục tư vấn khác.

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025 (đã trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Inbotech L.t.d	14.620.244.879	14.620.244.879	25.999.164.540	25.999.164.540
Công ty CP Thương mại Dược liệu Sơn Tùng	5.939.892.819	5.939.892.819	5.535.698.700	5.535.698.700
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu	1.418.990.697	1.418.990.697	2.593.889.345	2.593.889.345
Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Thăng Long	2.061.928.258	2.061.928.258	3.361.928.258	3.361.928.258
Công ty CP Xây dựng 556	1.773.213.724	1.773.213.724	2.973.213.724	2.973.213.724
Công ty CP Dược phẩm Benovas - Chi nhánh Hà Nội	2.563.080.840	2.563.080.840	1.838.099.520	1.838.099.520
Công ty CP Dược MediBros Miền Bắc	78.555.420	78.555.420	31.305.960	31.305.960
Các người bán khác	26.740.104.877	26.740.104.877	35.628.355.908	35.628.355.908
	55.196.011.514	55.196.011.514	77.961.655.955	77.961.655.955

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	15.933.360	7.971.783.533	7.987.716.893	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	9.214.972	-	1.406.201.697	1.411.176.844	14.190.119	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	948.938.843	4.825.980.517	3.399.492.850	-	2.375.426.510
Thuế thu nhập cá nhân	34.490.472	144.618.629	2.255.312.162	2.300.823.257	32.426.831	97.043.893
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	1.022.808.290	1.221.832.794	199.024.504	-
Các loại thuế khác	-	-	2.623.505.639	220.458.804	-	2.403.046.835
	43.705.444	1.109.490.832	20.105.591.838	16.541.501.442	245.641.454	4.875.517.238

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên khác		
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	2.629.491.197	551.369.850
Công ty CP Thương mại và Dược phẩm Hưng Việt	1.176.245.720	-
Công ty CP Dược phẩm REVO	1.250.963.719	-
Bà Huỳnh Thị Phương Tứ	-	4.738.387.536
Công ty CP DTS Việt Nam	1.100.367.651	2.730.225.107
Các khách hàng khác	9.027.667.445	7.755.447.813
	15.184.735.732	15.775.430.306

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	26.911.825	21.702.867
Chi phí phải trả khác	412.568.752	371.886.306
	439.480.577	393.589.173

19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	114.089.200	98.911.400
Cổ tức lợi nhuận phải trả	2.540.222.482	2.366.963.806
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Tân Phú Cường (i)	-	30.000.000.000
Phải trả về nhận ủy thác nhập khẩu	-	2.479.160.166
Các khoản phải trả, phải nộp khác	129.893.269	10.808.467
	2.784.204.951	34.955.843.839

- (i) Khoản phải trả về tiền ứng trước mà Công ty còn phải thanh toán cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Tân Phú Cường (tên trước đây là Công ty CP Công nghiệp Thương mại Tân Phú Cường) - ("Tân Phú Cường") liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2018/HTDT-MĐ-TPC ngày 24 tháng 10 năm 2018 để hợp tác thực hiện dự án tại 356-358 đường Giải phóng, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội. Vào ngày 23 tháng 08 năm 2023, Công ty và Tân Phú Cường đã ký Biên bản thỏa thuận chấm dứt, thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, hai bên thống nhất chấm dứt thực hiện hợp đồng hợp tác nêu trên, Công ty có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Tân Phú Cường toàn bộ số tiền gốc đã nhận từ Tân Phú Cường cho khoản đặt cọc/thanh toán là 160 tỷ VND (trong đó: 110 tỷ VND được thanh toán sau năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ký kết biên bản thanh lý; 50 tỷ VND còn lại được chia làm 03 đợt: Đợt 1 từ ngày 10-25/12/2023 tối thiểu 10 tỷ VND; Đợt 2 từ ngày 10-25/2/2024 tối thiểu 10 tỷ VND; Đợt 3: từ ngày 10-25/4/2024 số tiền còn lại). Trong năm 2025, Công ty đã thanh toán hết toàn bộ số tiền cho Tân Phú Cường.

20 VAY NGÁN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	27.786.636.987	27.786.636.987	133.282.028.828	127.154.835.768	33.913.830.047	33.913.830.047
	27.786.636.987	27.786.636.987	133.282.028.828	127.154.835.768	33.913.830.047	33.913.830.047

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2025	01/01/2025
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch	VND	Thả nổi	Không quá 6 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Quyền sử dụng 15.900 m2 đất thuê trả tiền 1 lần tại thửa đất xã Mê Linh, thành phố Hà Nội và toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển tại đây	17.483.814.602
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	VND	Thả nổi	Không quá 6 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Tại sản gắn liền với đất tại 356-358 Giải Phóng theo GCN số B1486596 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 05/06/2013; toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển tại 356-358 Giải Phóng hình thành từ vốn vay của Ngân hàng Công Thương; Xe ô tô Toyota Landcruiser BKS 30F-849.79; máy móc dây chuyền thiết bị thuộc Dự án đầu tư Máy sắc khí lỏng, trạm biến áp và dây chuyền sản xuất kem tan mỡ	7.646.862.419
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Sở giao dịch	VND	Theo từng Giấy nhận nợ	5 tháng - 6 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp	19.638.899.779
Vay cá nhân	VND	0,5% /tháng		Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp	2.655.959.966
					33.913.830.047	27.786.636.987

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	124.100.000.000	121.230.075.000	69.782.414.151	12.084.103.388	327.196.592.539
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.246.766.212	15.246.766.212
Chia cổ tức	-	-	-	(11.169.000.000)	(11.169.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(411.180.000)	(411.180.000)
Số dư cuối năm trước	124.100.000.000	121.230.075.000	69.782.414.151	15.750.689.600	330.863.178.751
Lãi trong năm nay	-	-	-	15.833.436.484	15.833.436.484
Chia cổ tức	-	-	-	(14.892.000.000)	(14.892.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(493.169.712)	(493.169.712)
Số dư cuối năm nay	124.100.000.000	121.230.075.000	69.782.414.151	16.198.956.372	331.311.445.523

Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/MED ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2024	15.246.766.212
Lợi nhuận để lại các năm trước	503.923.388
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	493.169.712
Chi trả cổ tức (12% vốn điều lệ) (i)	14.892.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	365.519.888

(i) Ngày 07 tháng 07 năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết 08/2025/NQ-HĐQT để thông quan phương án chi trả cổ tức năm 2024, theo đó: tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 12%/vốn điều lệ; ngày đăng ký cuối cùng là ngày 17 tháng 07 năm 2025; ngày thanh toán cổ tức là ngày 31 tháng 07 năm 2025.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	Tỷ lệ %	01/01/2025 VND	Tỷ lệ %
Bà Trần Nguyễn Hoàng Phúc	27.619.000.000	22,26	27.619.000.000	22,26
Bà Nguyễn Ngọc Xuân Trang	35.430.440.000	28,55	35.430.440.000	28,55
Tổng Công ty Dược Việt Nam	14.275.000.000	11,50	14.275.000.000	11,50
Ông Trần Toàn Thắng	8.005.870.000	6,45	3.275.870.000	2,64
Ông Trần Hoàng Dũng	10.000.000.000	8,06	10.000.000.000	8,06
Các cổ đông khác	28.769.690.000	23,18	33.499.690.000	26,99
	124.100.000.000	100	124.100.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	124.100.000.000	124.100.000.000
- Vốn góp cuối năm	124.100.000.000	124.100.000.000
Chia cổ tức:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	2.366.963.806	2.218.786.353
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	15.170.134.120	11.169.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	15.170.134.120	11.169.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong năm	14.996.875.444	11.020.822.547
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	14.996.875.444	11.020.822.547
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	2.540.222.482	2.366.963.806

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.410.000	12.410.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.410.000	12.410.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.410.000	12.410.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.410.000	12.410.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.410.000	12.410.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	69.782.414.151	69.782.414.151
	69.782.414.151	69.782.414.151

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	1.514.040.000	2.226.480.000

b) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các hợp đồng thuê đất và cơ sở hạ tầng trên địa bàn thành phố Hà Nội để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

TT	Vị trí khu đất	Bên cho thuê	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn thuê	Hình thức thanh toán tiền thuê
1	Thuê đất tại Lô 9-3, 9-4 thuộc lô CN2-9 Khu công nghiệp Công nghệ cao 2, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	30.352 m ²	Thực hiện dự án đầu tư	48 năm 07 tháng 19 ngày, kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2020 đến hết ngày 19 tháng 07 năm 2069	Tiền thuê đất được miễn trong toàn bộ thời gian thuê nhưng sẽ phải hoàn trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cho Ngân sách nhà nước
2	Thuê hạ tầng kỹ thuật trong Khu công nghiệp Công nghệ cao 2, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Hạ tầng dùng riêng 30.350 m ² và hạ tầng dùng chung	Thực hiện dự án đầu tư như mục đích thuê đất	Đến hết ngày 26 tháng 12 năm 2068 và có thể được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 19 tháng 07 năm 2069	Thanh toán một lần cho toàn bộ thời gian thuê
3	Thuê đất tại xã Mê Linh, thành phố Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	15.900 m ²	Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc	Đến hết ngày 07 tháng 03 năm 2051	Đã trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê
4	Thuê đất tại 356 và 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	10.464 m ² Trong đó: đất trong chỉ giới mở đường theo quy hoạch là 3.526,7 m ²	Làm trụ sở làm việc, xưởng sản xuất và kho thuốc	Đất ngoài chỉ giới: thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 07 tháng 12 năm 2004 Đất trong chỉ giới: thời hạn thuê hàng năm	Trả tiền thuê đất hàng năm

TT	Vị trí khu đất	Bên cho thuê	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn thuê	Hình thức thanh toán tiền thuê
5	Thuê đất tại 118 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	2.843 m ² Trong đó: đất trong chỉ giới mở đường theo quy hoạch là 241 m ²	Làm kho thuốc	Đất ngoài chỉ giới: 50 năm kể từ ngày 07 tháng 12 năm 2004 Đất trong chỉ giới: thời hạn thuê hàng năm	Trả tiền thuê đất hàng năm
6	Thuê đất tại Tổ 14, phường Mỹ Đình, thành phố Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	24.758,7 m ²	Làm cơ sở sản xuất	5 năm từ ngày 14 tháng 01 năm 2022 đến ngày 13 tháng 01 năm 2027	Trả tiền thuê đất hàng năm
7	Thuê đất tại 739 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, thành phố Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội (chưa ký hợp đồng)	200 m ²	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Hàng năm	Trả tiền thuê đất hàng năm

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
USD	1.360,17	16.609,45
EUR	231,07	241,09

23 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán dược phẩm	365.033.095.682	440.025.556.772
- Doanh thu bán trong nước	355.103.009.841	424.420.193.824
- Doanh thu hàng xuất khẩu	9.930.085.841	15.605.362.948
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.250.641.723	2.914.128.869
- Doanh thu dịch vụ cho thuê kho, nhà xưởng	2.680.963.644	2.226.480.000
- Doanh thu dịch vụ ủy thác nhập khẩu	569.678.079	687.648.869
Doanh thu khác	692.969.288	511.070.193
	368.976.706.693	443.450.755.834

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)

	14.516.637.560	75.445.013.056
--	----------------	----------------

24 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hàng bán bị trả lại	2.147.088.460	314.944.100
	2.147.088.460	314.944.100

Trong đó: Các khoản giảm trừ doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)

	-	292.179.200
--	---	-------------

25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	280.790.894.185	350.033.176.781
- Giá vốn bán trong nước	273.036.095.215	340.499.392.656
- Giá vốn hàng xuất khẩu	7.754.798.970	9.533.784.125
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	251.733.205	586.161.138
- Giá vốn dịch vụ cho thuê kho, nhà xưởng	251.733.205	293.780.720
- Giá vốn dịch vụ ủy thác nhập khẩu	-	292.380.418
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(44.921.265)
	281.042.627.390	350.574.416.654
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	7.040.000	-
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)		

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	490.903.696	790.107.007
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	876.608.533	1.404.800.727
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.637.313	-
	1.371.149.542	2.194.907.734

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	2.316.002.212	3.787.313.457
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.359.217.510	2.075.618.110
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	19.531.440
	3.675.219.722	5.882.463.007

28 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.071.624	287.610.965
Chi phí nhân công	2.091.133.208	2.823.818.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.129.343.773	4.072.461.257
Chi phí khác bằng tiền	1.312.826.690	772.475.138
	4.734.375.295	7.956.365.486

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.218.600.592	880.905.601
Chi phí nhân công	40.017.304.267	40.315.595.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.192.331.540	2.147.562.733
Thuế, phí và lệ phí	4.249.266.710	2.212.427.634
Chi phí dự phòng	1.381.577.720	2.248.070.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.414.843.484	8.618.380.580
Chi phí khác bằng tiền	4.152.849.341	5.988.635.984
	58.626.773.654	62.411.577.931

30 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thuê đất được giảm	597.073.512	1.194.147.024
Thu nhập khác	25.236.752	1
	622.310.264	1.194.147.025

31 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	16.213.601
Các khoản bị phạt	84.663.973	120.719.169
Các khoản khác	1.004	145.002.751
	84.664.977	281.935.521

32 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	20.659.417.001	19.418.107.894
Các khoản điều chỉnh tăng	3.470.485.582	1.438.600.516
- Khấu hao xe ô tô vượt mức quy định	272.096.000	272.960.000
- Thù lao HĐQT không được trừ	298.429.408	249.000.000
- Các khoản phạt hành chính, phạt thuế, chậm nộp thuế	2.706.169.612	120.719.169
- Các chi phí không được trừ khác	193.790.562	795.921.347
Thu nhập chịu thuế TNDN	24.129.902.583	20.856.708.410
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.825.980.517	4.171.341.682
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	948.938.843	651.910.934
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.399.492.850)	(3.874.313.773)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.375.426.510	948.938.843

33 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.833.436.484	15.246.766.212
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.833.436.484	15.246.766.212
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.410.000	12.410.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.276	1.229

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198.216.182.422	198.452.588.997
Chi phí nhân công	66.509.544.556	67.886.445.644
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.027.950.203	1.887.372.580
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.176.052.432	7.915.624.907
Thuế, phí và lệ phí	4.249.266.710	2.230.706.208
Chi phí dự phòng	1.381.577.720	2.248.070.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.786.609.761	23.055.945.702
Chi phí khác bằng tiền	6.064.179.115	8.868.719.257
	299.411.362.919	312.545.473.304

35 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	133.282.028.828	157.753.262.672
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	127.154.835.768	194.429.711.630

36 THÔNG TIN KHÁC

a) Hợp tác kinh doanh tại số 190, tổ 14, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là số 190, tổ 14, phường Mỹ Đình, thành phố Hà Nội)

Vào ngày 01 tháng 06 năm 2017, Công ty và Công ty CP Sông Châu ("Sông Châu") đã ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD để hợp tác thực hiện dự án Đầu tư xây dựng tổ hợp công trình trụ sở cơ quan, viện nghiên cứu, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở để bán Central Residence ("Dự án") tại số 190, tổ 14, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội ("khu đất") (nay là số 190, tổ 14, phường Mỹ Đình, thành phố Hà Nội). Theo đó, hai bên đã thống nhất các nội dung chính sau:

- Công ty sẽ góp vốn bằng giá trị toàn bộ tài sản trên đất của khu đất. Hai bên sẽ thuê đơn vị độc lập có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị góp vốn bằng tài sản trên khu đất của Công ty vào Dự án; Sông Châu góp bằng toàn bộ vốn để thực hiện dự án, bao gồm: vốn tự có, vốn huy động, vốn vay hợp pháp; việc góp vốn sẽ được thực hiện theo tiến độ của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và được sự thống nhất giữa hai bên.
- Hai bên thống nhất sử dụng tài sản hình thành từ việc hợp tác kinh doanh để thành lập Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Smart City ("Smart City") là chủ đầu tư Dự án. Sau khi chủ đầu tư được thành lập, mọi hoạt động liên quan đến việc tổ chức thực hiện toàn bộ Dự án sẽ do chủ đầu tư chịu mọi trách nhiệm thực hiện. Công ty sẽ ủy quyền cho Sông Châu đại diện cho Công ty quản lý, điều hành và quyết định mọi vấn đề liên quan đến Smart City (tài sản, vốn, hoạt động kinh doanh...).
- Tổng mức đầu tư dự kiến của Dự án được xác định bằng tổng giá trị tài sản trên đất của khu đất cộng với số vốn cần thiết để thực hiện Dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư cho đến nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng và quyết toán dự án hoàn thành. Dự kiến tổng mức đầu tư Dự án khoảng 2.000 tỷ VND.
- Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến: Dự án sẽ được hoàn thành và đưa vào sử dụng trong thời gian dự kiến 48 tháng kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư; thời hạn thực hiện hợp đồng tối thiểu là 50 năm.
- Lợi nhuận thu được từ việc kinh doanh, sau khi Chủ đầu tư thực hiện tất cả các khoản đóng góp về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, sẽ được phân chia cho hai bên theo tỷ lệ/giá trị vốn góp của hai bên.

Tại các Phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh ký vào ngày 01 tháng 06 năm 2017, Công ty và Sông Châu đã thống nhất bổ sung và điều chỉnh nội dung hợp đồng, chủ yếu như sau:

- Thống nhất giá trị toàn bộ tài sản trên đất của khu đất trên cơ sở Biên bản thẩm định giá của đơn vị tư vấn thẩm định giá là 15 tỷ VND. Hai bên thống nhất sử dụng tài sản hình thành từ việc hợp tác kinh doanh để thành lập Smart City với vốn điều lệ là 100 tỷ VND trong đó: Công ty góp 15 tỷ VND, tương đương 15% vốn điều lệ; Sông Châu góp 85 tỷ VND, tương đương 85% vốn điều lệ.
- Phân chia kết quả kinh doanh quy định trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh:
 - + Giá trị lợi nhuận Công ty được chia từ kết quả hợp tác kinh doanh được hai bên thống nhất bằng số tiền là 23 tỷ VND. Giá trị này Công ty được hưởng không thay đổi trong suốt quá trình đầu tư thực hiện dự án. Tiến độ chuyển tiền: Đợt 1 sau khi ký kết Phụ lục hợp đồng Sông Châu chuyển cho Công ty số tiền là 8 tỷ VND; Đợt 2 sau khi có Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố Hà Nội để giao chủ đầu tư thực hiện dự án, Sông Châu sẽ chuyển trả nốt số tiền mà Công ty được hưởng với số tiền là 15 tỷ VND.
 - + Sông Châu được hưởng toàn bộ lợi nhuận còn lại của dự án sau khi đã trừ phần phân chia lợi nhuận cho Công ty.

Vào ngày 16 tháng 06 năm 2017, Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Smart City ("Smart City") đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu công ty TNHH hai thành viên trở lên với mã số 0107889046, với vốn điều lệ 100 tỷ VND, trụ sở chính tại số 190, tổ 14, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện thủ tục bàn giao tài sản trên đất và khu đất cho Smart City. Sông Châu đã chuyển cho Công ty số tiền lợi nhuận 8 tỷ VND, Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 sau khi bù trừ với các chi phí liên quan đến tài sản trên đất trước đây.

Đến nay, Dự án chưa được triển khai đầu tư do Smart City vẫn chưa hoàn thành thủ tục phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư cho Dự án, chưa hoàn thành chuyển đổi mục đích sử dụng đất và thay đổi tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty chưa ghi nhận giá trị tài sản góp vốn nào vào khoản đầu tư này. Công ty đang thực hiện rà soát hồ sơ và pháp lý của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD và các Phụ lục liên quan, để thực hiện thay đổi, điều chỉnh, thanh lý theo đúng quy định của pháp luật.

b) Hợp tác kinh doanh tại lô đất 118 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là 118 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội)

Ngày 25 tháng 12 năm 2009, Công ty và Công ty CP Lắp máy Điện nước và Xây dựng ("COWAELMIC") đã ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư số 35/2009/HĐHT về việc Hợp tác đầu tư thực hiện dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng Nhà ở chung cư cao tầng tại lô đất 118 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội ("Khu đất") (nay là 118 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội). Theo đó, hai bên đã thống nhất các nội dung chính sau:

- Công ty góp diện tích đất 2.843,4 m² (trong đó khoảng 280 m² đường đi chung) và giấy tờ hiện có của Khu đất vào COWAELMIC để cùng hợp tác đầu tư và ủy quyền cho COWAELMIC làm Chủ đầu tư thực hiện toàn bộ dự án đầu tư xây dựng Nhà ở chung cư cao tầng tại Khu đất. Việc ủy quyền này không được hủy ngang trong bất kể trường hợp nào.
- Công ty đồng ý chuyển giao toàn bộ diện tích đất và giấy tờ hiện có của Khu đất để COWAELMIC chịu trách nhiệm hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết và làm Chủ đầu tư thực hiện toàn bộ dự án xây dựng Nhà ở chung cư cao tầng tại Khu đất mà không có thêm bất kỳ một điều kiện nào khác.
- Tỷ lệ góp vốn thực hiện dự án được phân chia theo tỷ lệ: Công ty góp diện tích đất 2.843,4 m² (trong đó khoảng 280 m² đường đi chung) của Khu đất; COWAELMIC góp toàn bộ vốn thực hiện dự án đã đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; tiền độ góp vốn theo tiền độ thực hiện dự án được Hội đồng quản trị COWAELMIC quyết định; nguồn vốn thực hiện dự án do COWAELMIC chịu trách nhiệm.
- Tiến độ thực hiện dự án: chuẩn bị đầu tư dự kiến 15 tháng; thực hiện đầu tư dự kiến 20 tháng; kết thúc đầu tư dự kiến 6 tháng; khai thác và sử dụng các năm tiếp theo.
- Thời hạn hợp tác đầu tư: Hợp đồng hợp tác đầu tư có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc sau khi đã quyết toán vốn đầu tư được hai bên chấp nhận.
- Các bên sẽ được hưởng lãi và các quyền lợi khác tương ứng với tỷ lệ góp vốn do hai bên thỏa thuận, COWAELMIC là chủ đầu tư sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước.
- COWAELMIC có trách nhiệm thành lập Ban điều hành dự án, về nhân sự do hai bên cử người của mỗi bên. Chế độ tài chính kế toán của doanh nghiệp, việc hạch toán thu chi, quyết toán tài chính của dự án sẽ do COWAELMIC thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Ngày 28 tháng 12 năm 2009, Công ty và COWAELMIC đã ký kết Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 36/2009/PL-HĐHT để thống nhất bổ sung và điều chỉnh nội dung hợp đồng, chủ yếu như sau:

Sửa đổi Điều 4 "Quyền lợi và trách nhiệm của các bên":

- Quyền lợi của Công ty: sau khi ký Phụ lục hợp đồng này COWAELMIC chuyển cho Công ty số tiền 19,15 tỷ VND, bao gồm lợi nhuận và chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí di chuyển kho tàng của việc hợp tác kinh doanh tại Khu đất. Giá trị này Công ty được hưởng không thay đổi trong suốt quá trình đầu tư thực hiện dự án. Tiến độ chuyển tiền: đợt 1 sau khi ký kết phụ lục hợp đồng này COWAELMIC chuyển cho Công ty 18,65 tỷ VND (bao gồm cả số tiền mà COWAELMIC đã đặt cọc), thời hạn cuối cùng là hết 30/12/2009; đợt 2 sau khi có quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án COWAELMIC chuyển trả nốt số tiền 500 triệu VND.
- Quyền lợi của COWAELMIC: được chủ động phương án kinh doanh và hưởng toàn bộ lợi nhuận còn lại của dự án sau khi trừ phần phân chia lợi nhuận cho Công ty.

Ngày 05 tháng 10 năm 2017, Công ty và COWAELMIC đã ký kết Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 37/2017/PL-HĐHT để thống nhất bổ sung nội dung hợp đồng, chủ yếu như sau:

- COWAELMIC sẽ đại diện cho hai bên thực hiện toàn bộ các hoạt động về lập, thẩm định và phê duyệt dự án; hoạt động thực hiện dự án; hoạt động khai thác, kinh doanh dự án, hoạt động huy động vốn cho dự án, quản lý sử dụng vốn đầu tư; hoàn thiện các thủ tục về đất đai của dự án; COWAELMIC sẽ tự gánh chịu toàn bộ các vấn đề phát sinh và các hậu quả pháp lý khi thực hiện các nội dung trên; Công ty được miễn trừ toàn bộ trách nhiệm đối với các vấn đề phát sinh và các hậu quả pháp lý khi COWAELMIC thực hiện các hoạt động này.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, Công ty và COWAELMIC đã ký kết Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 38/2018/PL-HĐHT để thống nhất bổ sung nội dung hợp đồng và thay thế phụ lục ngày 28/12/2009 (Phụ lục 36/2009/PL-HĐHT), chủ yếu như sau:

- Hình thức hợp tác đầu tư: thành lập pháp nhân mới Công ty TNHH Bình An - Cowaelmic vốn điều lệ 90 tỷ VND, trong đó Công ty nắm giữ 5,56% tương đương 5 tỷ VND, bên COWAELMIC nắm giữ 94,44% tương đương 85 tỷ VND. (đã được điều chỉnh tại phụ lục 40: Không thành lập Công ty dự án nữa).
- Trách nhiệm của bên Mediplantex: Đảm bảo duy trì tính pháp lý của Khu đất phù hợp để các bên sử dụng được Khu đất vào Khai thác thực hiện Dự án. Chuyển giao mặt bằng Khu đất, các giấy tờ pháp lý của khu đất cho COWAELMIC để sử dụng phục vụ cho việc thực hiện các thủ tục pháp lý.
- Trách nhiệm của COWAELMIC: thu xếp toàn bộ vốn đầu tư của dự án, thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật để Dự án được chấp thuận, phê duyệt theo quy định, quản lý khu đất và thực hiện dự án.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018, Công ty và COWAELMIC đã ký kết Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 39/2018/PL-HĐHT để bổ sung một số nội dung của Phụ lục số 38/2018/PL-HĐHT, chủ yếu như sau:

- Xác định hình thành vốn góp của Công ty trong vốn điều lệ của Công ty dự án: Vốn góp của Công ty trong Công ty dự án không được hình thành từ việc góp vốn bằng tiền mặt mà được hình thành từ các nguồn: các bên thừa nhận và công nhận giá trị quyền được đầu tư vào Dự án của Công ty, giá trị tài sản gắn liền với đất còn lại trên Khu đất.
- Công ty được hưởng quyền lợi phát sinh từ phần vốn góp thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty dự án. Ngoài hình thức thụ hưởng quyền lợi này, Công ty không được thu hồi vốn đầu tư và thụ hưởng các lợi ích phát sinh theo bất cứ hình thức nào khác.

Tháng 12 năm 2020, Công ty và COWAELMIC đã ký kết Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/2020/PL-HĐHT để sửa đổi một số nội dung của hợp đồng và thay thế phụ lục số 38/2018/PL-HĐHT ngày 10/12/2018, chủ yếu như sau:

- Căn cứ Khoản 9 Điều 3, Điều 28, Điều 29 Luật Đầu tư, các bên thống nhất đổi tên "Hợp đồng hợp tác đầu tư" thành "Hợp đồng hợp tác kinh doanh" (hợp đồng BCC).
- Công ty có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất 2.843,4m² tại Khu đất, đồng ý hợp tác với COWAELMIC để khai thác phát triển dự án xây dựng nhà ở chung cư kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng; Các Bên cùng thực hiện các thủ tục pháp lý theo thỏa thuận trách nhiệm của các bên mà hai bên đã thống nhất để đề xuất Dự án với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn, chấp thuận cho Các bên được đầu tư Dự án; được thực hiện các thủ tục về lập, thẩm định, phê duyệt Dự án.
- Đối với vốn góp để thực hiện dự án: chiếm 20% tổng mức đầu tư tương đương 84.489.225.000 VND. Trong đó, Công ty sẽ góp 4.224.461.280 VND bằng tiền mặt và COWAELMIC sẽ góp 80.264.764.320 VND bằng tiền mặt. Đối với phần vốn huy động và vốn khác: chiếm 80% tổng mức đầu tư sẽ do COWAELMIC chịu trách nhiệm thực hiện và chịu trách nhiệm với bên thứ 3 trước pháp luật.
- Phân chia kết quả đầu tư kinh doanh giữa các bên: Sau khi dự án hoàn thành, các bên thống nhất phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp.

Ngày 20 tháng 04 năm 2011, UBND thành phố Hà Nội có văn bản số 2881/UBND-KH&ĐT về việc chấp thuận đề xuất Dự án xây dựng Tổ hợp dịch vụ thương mại công cộng kết hợp căn hộ tại 118 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Ngày 16 tháng 04 năm 2018, Sở Quy hoạch - Kiến trúc có văn bản số 2142/QHKT-TMB-PAKT (P1) chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc.

Ngày 10 tháng 09 năm 2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã có văn bản số 3880/KH&ĐT-NNS để gửi Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Công an thành phố Hà Nội về việc lấy ý kiến thẩm định Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư Dự án Tòa nhà Bình An - Cowaelmic tại số 118 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Đến nay, dự án vẫn chưa được triển khai do Công ty vẫn chưa hoàn thành thủ tục phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư cho Dự án. Công ty chưa ghi nhận giá trị tài sản góp vốn nào vào khoản đầu tư này. Công ty đang thực hiện rà soát hồ sơ và pháp lý của Hợp đồng hợp tác đầu tư số 35/2009/HĐHT và các Phụ lục liên quan, để thực hiện thay đổi, điều chỉnh, thanh lý theo đúng quy định của pháp luật.

37 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

38 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Dược phẩm An Hy	Cổ đông lớn của Công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty này
Công ty CP Dược Medibros Miền Bắc	Cùng chung người quản lý chủ chốt với Công ty đến ngày 01/11/2024
Công ty CP Dược Medibros Miền Trung	Cùng chung người quản lý chủ chốt với Công ty đến ngày 01/11/2024
Tổng Công ty Dược Việt Nam	Cổ đông lớn có người đại diện vốn là người quản lý chủ chốt của Công ty
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024 (đã trình bày lại)
	VND	VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	14.516.637.560	75.445.013.056
Công ty TNHH MTV Dược phẩm An Hy	14.516.637.560	21.420.860.752
Công ty CP Dược Medibros Miền Bắc	-	48.025.646.504
Công ty CP Dược Medibros Miền Trung	-	5.998.505.800
Mua hàng hóa, dịch vụ	7.040.000	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm An Hy	7.040.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	292.179.200
Công ty CP Dược Medibros Miền Bắc	-	292.179.200
Cổ tức đã trả	1.224.000.000	873.851.895
Cổ tức phải trả cho cổ đông cá nhân là thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.224.000.000	873.851.895

Các điều kiện và điều khoản của giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng cho các Công ty TNHH MTV Dược phẩm An Hy, Công ty CP Dược Medibros Miền Bắc, Công ty CP Dược Medibros Miền Trung ("các bên liên quan") chủ yếu được thực hiện theo các Hợp đồng nguyên tắc ký hàng năm và các hợp đồng mua bán cụ thể. Theo đó, Công ty sẽ bán các sản phẩm mà Công ty sản xuất đảm bảo chất lượng đăng ký cho các bên liên quan, các bên liên quan sẽ phân phối hàng hóa tại địa bàn mà hai bên đã thống nhất. Giá bán sẽ được quy định cụ thể trong hợp đồng mua bán hoặc phụ lục hợp đồng, giá bán có thể thay đổi và quy định trong phụ lục hợp đồng sau khi có thông báo của Công ty và được hai bên thống nhất. Để hỗ trợ phát triển thị trường, Công ty có thể xem xét hỗ trợ cho bên mua bằng việc điều chỉnh giảm giá hàng hóa hoặc khuyến mại bằng hàng. Trường hợp địa điểm giao hàng tại kho của Công ty thì chi phí bốc hàng lên xe của bên mua do Công ty chịu, trường hợp địa điểm giao hàng do bên mua chỉ định thì chi phí bốc dỡ hàng mỗi bên sẽ chịu một đầu.

Đối với các giao dịch còn lại với các bên liên quan khác được thực hiện theo các mức giá và các điều khoản, điều kiện tương tự như giao dịch với các bên không là bên liên quan.

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2025</u> VND	<u>Năm 2024</u> VND
Ông Trần Hoàng Dũng	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 30/05/2025)	145.663.862	1.125.013.635
Bà Đoàn Thị Hồng Thúy	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	275.200.000
Bà Nguyễn Ngọc Xuân Trang	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 30/06/2025)	50.000.000	-
Ông Trần Xuân Đình	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/06/2024) Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/06/2024, sau đó miễn nhiệm ngày 02/01/2025)	765.148.726	620.012.727
Bà Trần Nguyễn Hoàng Phúc	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 30/06/2025)	660.572.908	-
Ông Trần Nguyễn Hoàng Ân	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/06/2024) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2024)	876.150.733	329.330.000
Ông Thái Khắc Minh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/06/2024)	133.464.704	35.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/06/2024)	133.464.704	35.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuyên	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	75.500.000
Ông Đỗ Văn Tấn	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	75.500.000
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	75.500.000
Ông Mai Nhật Thanh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02/01/2025)	1.168.496.547	-
Ông Lê Thành Lâm	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/09/2025)	597.936.567	480.809.327
Ông Lê Hồng Trung	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/11/2024)	-	879.328.546
Ông Nguyễn Tiên Phong	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/11/2024)	-	906.020.546
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 27/04/2023) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/01/2024, miễn nhiệm ngày 26/06/2024) Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/07/2024)	813.944.968	571.519.527

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2025</u> VND	<u>Năm 2024</u> VND
Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	565.435.435
Ông Hồ Ngọc Tuấn	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 26/06/2024)	653.172.561	581.904.743
Ông Phùng Minh Thơm	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	53.000.000
Bà Hà Thị Bích Hạnh	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 26/06/2024)	624.416.306	392.435.882
Bà Đỗ Ngọc Thúy	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 26/06/2024)	220.115.776	170.839.438
Bà Dương Thị Minh Nguyệt	Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	181.469.581
Ông Trần Ngọc Hà	Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	291.563.222
Bà Lã Thị Trang Nhung	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/07/2024)	-	557.820.664


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

39 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thanh Hằng
Người lập biểu



Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng




Mai Nhật Thanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG
MEDIPLANTEX
Số: 05/2026/CV-MED

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex

Địa chỉ: 358 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Hà Nội

Mã số thuế: 0100108430

Người công bố thông tin: Mai Nhật Thanh

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex giải trình về cơ sở đưa ra kết luận loại trừ trong BCTC năm 2025 đã được kiểm toán như sau:

- Do 2 hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD ngày 01/06/2017 và số 35/2009/HĐHT ngày 25/12/2009 của công ty đang trong quá trình làm việc với đối tác và các cơ quan quản lý về việc triển khai hợp đồng nên chưa có thông tin cung cấp cho kiểm toán.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần Dược trung ương Mediplantex báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT

CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX



TỔNG GIÁM ĐỐC

Mai Nhật Thanh